

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Lầu 9, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn & 45A Lý Tự Trọng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

TP. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2013



MỤC LỤC



I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:.....	2
5. Định hướng phát triển.....	2
6. Các rủi ro	3
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	6
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
<i>a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012</i>	6
<i>b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch</i>	6
2. Tổ chức và nhân sự.....	6
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	8
4. Tình hình tài chính.....	8
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	9
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	11
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	11
2. Tình hình tài chính.....	11
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	11
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	12
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	12
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	13
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	13
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty	13
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	13
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	14
1. Hội đồng quản trị.....	14
2. Ban Kiểm soát	15
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.....	16
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:	17
1. Ý kiến kiểm toán.....	17
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.....	17

330
ĐNI
OF
HUNG
GIAN
7 TF

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 42/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006:
 - Vốn điều lệ: 75.538.460.000 đồng
 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 75.538.460.000 đồng
 - Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn & 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
 - Số điện thoại: 08.3914 7027
 - Số fax: 08.3914 7020
 - Website: www.horizonsecurities.com
 - Mã cổ phiếu (nếu có): Không

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty CP Chứng khoán Tâm Nhìn được thành lập ngày 22/12/2006 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp giấy phép hoạt động ngày 28/12/2006, được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM công nhận tư cách thành viên ngày 05/04/2007, trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ngày 14/05/2007 và là thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam từ ngày 07/02/2007. Trụ sở chính của Công ty tại thời điểm thành lập là số 194 (Lầu 5) Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

- Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 28/12/2006, vốn điều lệ của công ty là 12.000.000.000 VNĐ với các nghiệp vụ kinh doanh bao gồm: môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

- Theo Giấy phép điều chỉnh số 139/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, vốn điều lệ công ty là 20.000.000.000 VNĐ.

- Theo Giấy phép điều chỉnh số 190/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 17 tháng 02 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 25.000.000.000 VNĐ đồng thời công ty được chấp thuận rút bớt nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

- Theo Giấy phép điều chỉnh số 253/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 12 tháng 8 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 35.000.000.000 VNĐ.

- Theo Giấy phép điều chỉnh số 282/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 45.000.000.000 VNĐ.

- Theo Giấy phép điều chỉnh số 04/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 21 tháng 01 năm 2011, Công ty được thay đổi địa chỉ trụ sở chính đến Lầu 9, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn & 47 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

- Theo Giấy phép điều chỉnh số 44/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 21 tháng 7 năm 2011, vốn điều lệ công ty là 60.000.000.000 VNĐ.

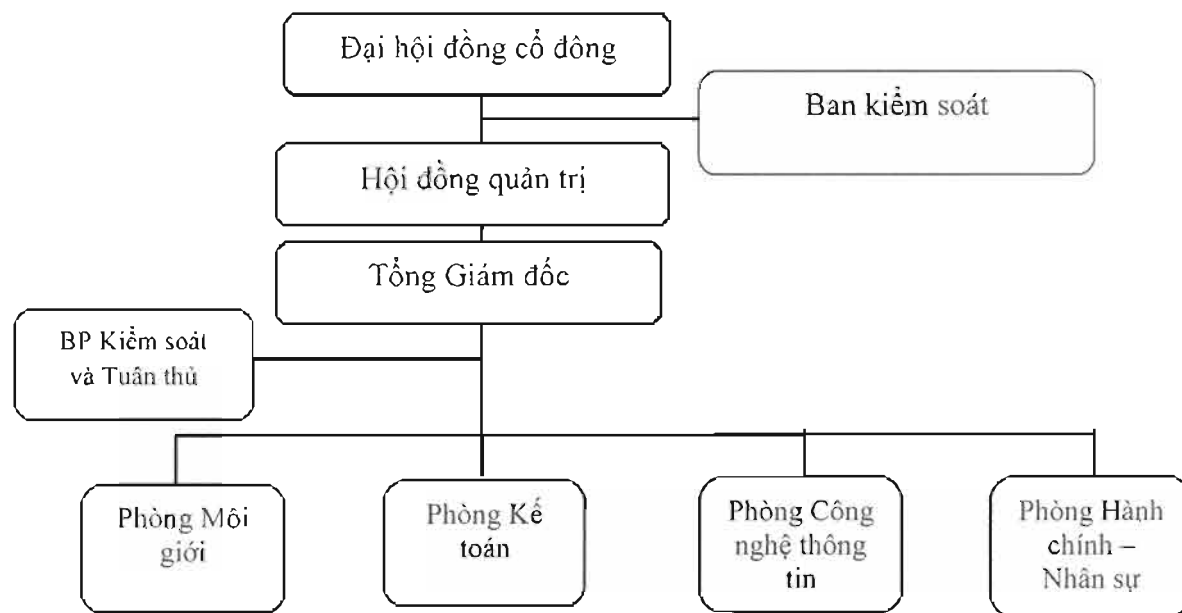
– Theo Giấy phép điều chỉnh số 118/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23 tháng 10 năm 2012, vốn điều lệ công ty là 75.538.460.000 VNĐ và địa chỉ trụ sở chính của Công ty là Lầu 9, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn & 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Lưu ký chứng khoán.
- Địa bàn kinh doanh: không giới hạn

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - Tập trung xây dựng đội ngũ chuyên môn vững mạnh để thực hiện tốt nhất các nghiệp vụ môi giới chứng khoán và tư vấn tài chính theo quy định của Luật Chứng khoán.
 - Tiến hành mở rộng cơ sở khách hàng trong và ngoài nước thông qua việc chuẩn bị cung cấp dịch vụ môi giới và tư vấn tốt cho khách hàng.

- Từng bước nâng cao kết quả hoạt động của công ty, nhằm đem lại lợi nhuận cho cổ đông, đảm bảo lợi ích và quyền lợi cho đội ngũ nhân viên.

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Phát triển quan hệ chiến lược dài hạn với các định chế tài chính, cộng đồng doanh nghiệp và cộng đồng đầu tư, nhằm tối đa hóa các lợi ích của các khách hàng và đối tác.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, xây dựng một môi trường văn hóa công ty khuyến khích tinh thần doanh nhân, sáng tạo, kỷ luật cao, chia sẻ năng lực, trí tuệ và nguồn lực.

– Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Với việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật cũng như đạo đức kinh doanh, chúng tôi mong muốn góp phần xây dựng một thị trường chứng khoán minh bạch, hiệu quả và bền vững.

6. Các rủi ro:

Như đã đề cập ở phần trên, định hướng phát triển và hoạt động thực tế của Công ty trong những năm gần đây chỉ tập trung phát triển nghiệp vụ môi giới cho các định chế tài chính nước ngoài và không cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng như hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tất cả các khách hàng tổ chức nước ngoài của công ty có tài khoản lưu ký chứng khoán và tài khoản tiền gửi tại ngân hàng lưu ký. Đối với tiền gửi của khách hàng cá nhân trong nước và tổ chức trong nước, Công ty cũng đã ký thỏa thuận hợp tác với Ngân hàng TMCP An Bình để thực hiện việc quản lý tách bạch đến tài khoản của từng nhà đầu tư. Do đó, Công ty không phải đối mặt nhiều với các rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản như các công ty chứng khoán khác.

Tuy nhiên, công ty chứng khoán thuộc dạng công ty thành lập có điều kiện và được xếp vào diện các định chế tài chính dù với quy mô như thế nào. Các rủi ro liên quan đến công ty và có thể ảnh hưởng tới sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện các mục tiêu của công ty bao gồm:

– Rủi ro thanh toán: là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro này có thể xảy ra khi công ty hoặc các thành viên lưu ký có liên quan bị thiếu hụt số dư tiền hay chứng khoán trên tài khoản để thanh toán cho các giao dịch trong ngày, có thể dẫn đến việc kết quả giao dịch của khách hàng tại công ty bị hủy. Để ngăn ngừa các rủi ro có thể xảy ra tại Công ty, Công ty có những yêu cầu cụ thể và cơ chế phối hợp chặt chẽ với ngân hàng lưu ký cũng như ngân hàng hợp tác quản lý tiền gửi của nhà đầu tư để đảm bảo nhà đầu tư có đủ 100% tiền hoặc chứng khoán trong tài khoản trước khi thực hiện giao dịch. Đối với trường hợp thiếu hụt tiền hoặc chứng khoán của các thành viên lưu ký có liên quan, đây là những rủi ro nằm ngoài sự kiểm soát của Công ty, nên Công ty chỉ có khả năng hỗ trợ khách hàng trong việc xử lý lỗi cũng như yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có). Rủi ro thanh toán cũng có thể xảy ra khi ngân hàng nơi Công ty có tài khoản tiền gửi không kịp chi trả tiền cho Công ty khi có nhu cầu. Để hạn chế rủi ro này, Công ty lựa chọn những ngân hàng lớn, có uy tín và có chỉ số an toàn tài chính cao để mở các tài khoản tiền gửi.



– Rủi ro hoạt động: là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khác quan khác. Công ty hạn chế tối đa các rủi ro xuất phát từ lỗi con người trong quá trình tác nghiệp (ví dụ các lỗi trong quá trình nhận lệnh, nhập lệnh của khách hàng...) thông qua việc ban hành và kiểm soát thi hành các quy trình nghiệp vụ, đảm bảo việc phân định rõ ràng quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi bộ phận và đảm bảo nguyên tắc các công việc được thực hiện theo cơ chế kiểm soát chéo. Bên cạnh đó, việc đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp của nhân viên cũng được thực hiện một cách thường xuyên.

Với đặc thù của công ty chứng khoán, các rủi ro về hệ thống và bảo mật thông tin luôn là rủi ro thường trực phải đương đầu. Tại HRS, việc bảo vệ thông tin cá nhân và giao dịch của khách hàng luôn được đặt lên hàng đầu, song song với việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình hoạt động hàng ngày cũng như đảm bảo hệ thống sao lưu dự phòng luôn được kiểm tra để hệ thống giao dịch hoạt động với hiệu suất cao, tránh các trường hợp trục trặc hệ thống, đứt kết nối hoặc ngừng hoạt động gây tổn hại về tài chính cho cả HRS và khách hàng, làm sụt giảm uy tín của HRS. Theo định hướng tái cấu trúc tổ chức thị trường chứng khoán, hai Sở giao dịch chứng khoán sẽ gộp làm một trong tương lai gần, bên cạnh những thuận lợi cũng làm phát sinh chi phí lớn để chuyển đổi hệ thống công nghệ giao dịch hiện tại của HRS để phù hợp với yêu cầu của Sở giao dịch.

– Rủi ro pháp lý: là những rủi ro phát sinh từ việc Công ty không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, nhân viên Công ty không thực hiện đúng các quy định của pháp luật, các quy định nội bộ của Công ty hoặc từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác. Hậu quả khi xảy ra rủi ro pháp lý có thể dẫn đến thiệt hại về tài sản, uy tín, danh tiếng, mất cơ hội kinh doanh hoặc thậm chí trong trường hợp nghiêm trọng có thể bị rút giấy phép kinh doanh các nghiệp vụ chứng khoán. Trong nỗ lực nhằm hạn chế nguy cơ xảy ra rủi ro pháp lý, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc HRS quán triệt ý thức tuân thủ trong toàn bộ Công ty. Các quy định pháp luật mới cũng như các chính sách, quy định nội bộ được phổ biến đến từng nhân viên thông qua các trường bộ phận, hoặc thông qua các buổi đào tạo nội bộ do bộ phận Kiểm soát và Tuân thủ phụ trách. Việc kiểm soát nội bộ cũng được thực hiện thường xuyên tại các bộ phận để kịp thời phát hiện và xử lý kịp thời những sai phạm, đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy trình nội bộ cho phù hợp với yêu cầu pháp luật và thực tiễn kinh doanh. Các hợp đồng, thỏa thuận của Công ty với khách hàng, đối tác cũng phải được rà soát bởi luật sư nội bộ của Công ty trước khi được ký kết, thực hiện nhằm đảm bảo tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch cũng như để bảo vệ lợi ích chính đáng của Công ty.

Rủi ro pháp lý cũng có thể đến từ việc thay đổi các chính sách, quy định của cơ quan quản lý gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Công ty, hoặc Công ty không kịp thời cập nhật sự thay đổi của pháp luật, hiểu sai hoặc vận dụng sai quy định của pháp luật trong từng trường hợp cụ thể. Trong thực tế, các văn bản pháp luật liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán thường xuyên được thay đổi nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán. Bộ phận Kiểm soát và Tuân thủ và luật sư nội bộ có trách nhiệm thường xuyên cập nhật những văn bản pháp

030
ÔNG
ĐỖ P
HÙNG
TÂM
/ TP

luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan, nghiên cứu và tư vấn cho ban lãnh đạo về sự ảnh hưởng của các văn bản trong giai đoạn dự thảo để có sự chuẩn bị phù hợp. Nhờ đó đã giúp công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp lý.

157
T
HẢI
KHO
NH
HỒ

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012:

Trong năm 2012, với mục tiêu tập trung vào khách hàng tổ chức, công ty đã thực hiện đóng 08 tài khoản giao dịch chứng khoán của cá nhân là nhân viên đã nghỉ việc, mở mới 04 tài khoản giao dịch của khách hàng tổ chức nước ngoài. Giao dịch của các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài trong năm vừa qua đã tạo nên doanh thu từ phí môi giới cho Công ty là 3.627.425.959 đồng, tăng 58,8% so với năm 2011.

Việc gia tăng hoạt động giao dịch nhằm tái cơ cấu danh mục đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài cũng góp phần đưa HRS lên vị trí thứ 8 của các công ty chứng khoán có thị phần giá trị giao dịch lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM trong quý 4/2012. Tổng giá trị chứng khoán mua trong năm 2012 là 1.973.330.963.700 đồng, trong khi tổng giá trị chứng khoán bán là 1.282.880.905.870 đồng.

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tuy kết quả kinh doanh năm 2012 của Công ty khá khả quan so với năm 2011, nhưng vẫn chưa đạt được kế hoạch năm 2012 đã đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

Vị trí	Họ tên	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Tổng Giám đốc	Hoàng Quốc Hùng	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 1974 - Quốc tịch: Việt Nam - Trình độ chuyên môn: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) – Viện phát triển Hàn Quốc, Trường Quản lý Kinh doanh, Seoul, Hàn Quốc ▪ Cử nhân Kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại thương Hà Nội - Quá trình làm việc: <ul style="list-style-type: none"> ▪ 1998 – 2002: Chuyên viên của TTGDCK Hà Nội - Biệt phái công tác tại vụ Thanh tra, UBCKNN ▪ 2003: Trưởng phòng Hành chính – Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông 	0,16%

		<ul style="list-style-type: none"> ▪ 12/2004: Nhân viên Ban Tài chính doanh nghiệp – Công ty TNHH Kiểm toán Grant Thornton (Việt Nam) ▪ 2005 – nay: Giám đốc Kinh doanh – Công ty TNHH Tư vấn Tầm Nhìn ▪ 2008 – nay: Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Tầm Nhìn 	
Kế toán trưởng	Nguyễn Thị Hoài Ân	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 1981 - Quốc tịch: Việt Nam - Trình độ chuyên môn: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kinh doanh tiền tệ - Đại học Kinh tế TP. HCM ▪ Chứng chỉ Kế toán trưởng ▪ Hoàn tất chứng chỉ ACCA - Quá trình làm việc: <ul style="list-style-type: none"> ▪ 2002 – 2004: Trợ lý kiểm toán – Công ty Pricewaterhouse Coopers ▪ 2004 – 2011: Giám đốc dự án – Công ty Chứng khoán Sài Gòn ▪ 2011 – nay: Kế toán trưởng – Công ty CP Chứng khoán Tầm Nhìn 	0%
Trưởng phòng Môi giới	Phan Nguyễn Hoàn Quân	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 1972 - Quốc tịch: Việt Nam - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh – Đại học Mở - Bán công TP. HCM - Quá trình làm việc: <ul style="list-style-type: none"> ▪ 1997 – 1999: Nhân viên XNK – Công ty Artexport Hà Nội ▪ 1999 – 2001: Nhân viên XNK – VPĐD Dragon Line ▪ 2001 – 2004: Nhân viên kinh doanh – Công ty Invest Consult ▪ 2004 – 2006: Nhân viên Kinh doanh – Công ty Vinatrans ▪ 2006 – 2009: Phó phòng Giao dịch – Công ty Chứng khoán ACB 	0%



		<ul style="list-style-type: none"> ▪ 2009 – 2010: Giám đốc Chi nhánh – Công ty Chứng khoán Liên Việt ▪ 2010 – 2011: Phó phòng Môi giới – Công ty CP Chứng khoán Tâm Nhìn ▪ 03/2012 – nay: Trưởng phòng Môi giới – Công ty CP Chứng khoán Tâm Nhìn 	
Trưởng phòng CNTT	Nguyễn Thị Kim Tuyết	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 1979 - Quốc tịch: Việt Nam - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ thông tin – Đại học Marketing - Quá trình làm việc: <ul style="list-style-type: none"> ▪ 2000 – 2002: Lập trình viên – Công ty Vietsoft Software ▪ 2002 – 2007: Trưởng phòng IT – Công ty TNHH 3A Pharmaceutical ▪ 2007 – nay: Trưởng phòng IT – Công ty CP Chứng khoán Tâm Nhìn 	0%

- Những thay đổi trong ban điều hành trong năm: Không có
- Số lượng cán bộ nhân viên tại thời điểm 31/12/2012: 18 người
- Các chính sách đối với người lao động:
 - Trả lương sau thuế (công ty chịu thuế thu nhập, BHXH, BHYT, BHTN...)
 - Thưởng theo quý, năm, các ngày Lễ, Tết ... hình thức thưởng linh hoạt.
 - Nhân viên được mua bảo hiểm tai nạn 24/24 (với mức bồi thường lên đến 30 tháng lương của người được bảo hiểm)
 - Được khám sức khỏe định kỳ hàng năm
 - Được hỗ trợ toàn bộ học phí các lớp đào tạo về chứng khoán cũng như thi lấy chứng chỉ hành nghề
 - Được tham dự các khóa đào tạo kỹ năng và đào tạo chuyên môn theo yêu cầu của công việc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a. Các khoản đầu tư lớn: Công ty không có các khoản đầu tư lớn trong năm.
- b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

- a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2011	2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	14.984.923.173	23.101.296.954	54,16%
Doanh thu thuần	2.542.552.339	4.225.824.639	66,20%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-404.495.581	864.655.560	313,76%
Lợi nhuận khác	-23.789.682	85.246.929	458,34%
Lợi nhuận trước thuế	-9.636.401.780	-8.141.649.647	15,51%
Lợi nhuận sau thuế			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2011	2012	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	17,43	13,96	lần
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	5,23	6,51	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	5,51	6,96	%
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	16,97	18,29	%
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	-	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-	-	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-	-	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-	-	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Cổ phần phổ thông: 7.553.846 cổ phần, trong đó:
 - Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 6.000.000 cổ phần
 - Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 1.553.846 cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày 28/9/2012.
- Cổ phần ưu đãi: Không có

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	Trong nước	02	5.358.000	70,93%
1	Cá nhân	01	12.000	0,16%
2	Tổ chức	01	5.346.000	70,77%
II	Nước ngoài	02	2.195.846	29,07%
1	Cá nhân	01	1.448.000	19,17%
2	Tổ chức	01	747.846	9,90%
III	Tổng cộng	04	7.553.846	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm, vốn điều lệ của Công ty thay đổi từ 60.000.000.000 đồng lên 75.538.460.000 đồng, tăng thêm 15.538.460.000 đồng tương ứng với việc phát hành 1.553.846 cổ phần trong đợt chào bán cổ phần riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu vào tháng 9/2012.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

CHỖ CHỮ ĐÓNG

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

– Doanh thu năm 2012 có những bước tiến khả quan hơn khi tăng 58,8% so với năm 2011. Với tình hình thị trường được nhận định khả quan hơn trong năm 2013, và cùng với việc nâng cao chất lượng xử lý giao dịch cho khách hàng, có cơ sở để tin rằng doanh thu phí môi giới sẽ có kết quả tốt hơn trong năm 2013.

– Công ty chưa hoàn thành kế hoạch tăng số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng tổ chức trong nước và nước ngoài trong năm 2012 do tình hình cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ môi giới cho khách hàng tổ chức. Công ty cần tăng cường hoạt động tiếp cận khách hàng và nâng cao chất lượng sản phẩm phân tích để cải thiện chỉ tiêu này.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản	Đơn vị	2011	2012
Tài sản ngắn hạn / Tổng số Tài sản	%	79,92	90,83
Tài sản dài hạn / Tổng số Tài sản	%	20,08	9,17

b. Tình hình nợ phải trả

Các chỉ tiêu	2011	2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	17,43	13,96	lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	5,23	6,51	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	5,51	6,96	%

Tỷ lệ Nợ phải trả của Công ty hiện tại rất thấp, chủ yếu là các khoản phải trả ngắn hạn cho các chi phí hoạt động của Công ty. Trong năm Công ty không có bất kỳ khoản nợ vay ngân hàng nào.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

– Trong năm Công ty đã thực hiện sắp xếp lại chức năng nhiệm vụ của các bộ phận nghiệp vụ, theo đó chuyển bộ phận Lưu ký trực thuộc Phòng Kế toán-Lưu ký trước đây thành bộ phận Giao dịch trực thuộc Phòng Môi giới. Những thay đổi này nhằm mục đích phân định rõ hơn trách nhiệm và đảm bảo sự tách biệt trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ phận nghiệp vụ của Công ty.

– Trong năm Công ty đã ban hành các chính sách mới như Chính sách giao dịch cá nhân, Chính sách phòng, chống rửa tiền, Quy trình giám sát giao dịch và từng bước đưa vào áp dụng



tại Công ty, góp phần nâng cao khả năng kiểm soát, phát hiện các giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty, đồng thời có biện pháp ngăn ngừa các hành vi vi phạm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động phát triển khách hàng nhằm tăng doanh thu từ hoạt động môi giới trong năm 2013, dựa trên nền tảng dịch vụ chất lượng và năng lực cạnh tranh thông qua hợp tác chiến lược và ổn định tài chính doanh nghiệp.
- Tăng cường công tác đào tạo nhân lực, nhằm đảm bảo cung cấp dịch vụ môi giới khách hàng tổ chức tốt hơn cho khách hàng là các định chế tài chính trong và ngoài nước.
- Tiếp tục cắt giảm và tiết kiệm chi phí hoạt động.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

- Ý kiến kiểm toán trong Báo cáo tài chính năm 2012 của HRS được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TPHCM (“AISC”) là dạng ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh, nhằm lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính của HRS với khoản lỗ thuần trong năm 2012 của Công ty là 8.141.649.647 đồng và khoản lỗ lũy kế đến 31/12/2012 là 53.940.491.460 đồng, chiếm 71,4% vốn điều lệ.

- Liên quan đến đoạn nhấn mạnh nói trên, trong phần Thuyết minh của Báo cáo tài chính năm 2012 cũng đã trình bày đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng hoạt động liên tục của Công ty, các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của Công ty như sau:

- (i) Công ty đảm bảo phát triển thêm nguồn khách hàng mới trong năm 2013.
- (ii) Công ty không có bất kỳ vụ kiện tụng nào trong và ngoài nước mà có thể dẫn đến các khoản phải thanh toán trong thời gian tới.
- (iii) Công ty thực hiện quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư theo đúng quy định của UBCKNN từ ngày 08/09/2008 do đó sẽ không có phát sinh bất kỳ khoản phải trả, phải thu nào đối với các nhà đầu tư chứng khoán mở tài khoản giao dịch tại công ty.

30
IN
S F
UNI
ÂN
TP

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Nhìn chung trong năm 2012, tình hình tài chính và chứng khoán không ổn định, lạm phát tăng cao, khách hàng hạn chế giao dịch đã khiến cho hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng không nhỏ. Tuy nhiên, Công ty đã có những biện pháp tích cực để tăng doanh thu, duy trì chi phí ở mức thấp nhất nhằm cải thiện tình hình tài chính của Công ty. Kết quả doanh thu từ hoạt động năm 2012 tăng 58,8% so với năm 2011 cho thấy những tín hiệu khả quan trong hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm vừa qua.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Với tình hình khó khăn của thị trường chứng khoán năm 2012, HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ do HĐQT đề ra. Đồng thời HĐQT đánh giá cao sự tuân thủ pháp luật cũng như các quy định của các cơ quan quản lý mà Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng đã thực hiện trong quá trình điều hành Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tiếp tục duy trì định hướng phục vụ và phát triển khách hàng tổ chức nước ngoài, từng bước nâng cao doanh thu từ hoạt động môi giới để cải thiện tình hình tài chính của Công ty;
- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban điều hành, duy trì tình hình tài chính lành mạnh, nghiên cứu và áp dụng các công cụ quản lý rủi ro;
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự, quy trình làm việc, áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh tiên tiến, các quy trình kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm đảm bảo bộ máy điều hành hoạt động chuyên nghiệp, trách nhiệm cao và có hiệu quả.

15
T
H
K
NI
HC

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
1	Đoàn Mạnh Khâm	19,17%	Thành viên không điều hành	0
2	Hoàng Quốc Hùng	0,16%	Thành viên điều hành	0
3	Lâm Bảo Quang	0%	Thành viên độc lập	0
4	Jeffrey E.Carleton	0%	Thành viên không điều hành	0
5	Tunku Ali Redhauddin ibni Tuanku Muhriz	0%	Thành viên độc lập	0

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Nhìn chung, HĐQT đã hoàn thành tốt việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT. HĐQT cũng đã tăng cường trao đổi giữa các thành viên với nhau, giữa các thành viên với Tổng Giám đốc để thảo luận tình hình thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh và chỉ đạo, định hướng hoạt động cho Tổng Giám đốc. Trong năm 2012, HĐQT đã có 03 cuộc họp định kỳ hàng quý (trong đó cuộc họp quý 2 và quý 3/2012 được kết hợp chung theo ý kiến nhất trí của các thành viên), chi tiết như sau:

STT	Ngày họp	Nội dung
1	17/01/2012	- Cập nhật hoạt động quý IV/2011, bao gồm kinh doanh, chi phí, vốn, thị phần, khách hàng mới và sản phẩm; - Thảo luận phương án tăng vốn; - Thảo luận kế hoạch, triển vọng và chiến lược kinh doanh trong năm 2012.
2	12/04/2012	- Cập nhật hoạt động quý I/2012, bao gồm kinh doanh, chi phí, vốn, thị phần, khách hàng mới và sản phẩm; - Thảo luận kế hoạch kinh doanh quý II/2012.

3	10/10/2012	- Cập nhật hoạt động quý II và quý III/2012, bao gồm khách hàng và kinh doanh, tình hình tài chính, nhân sự, bộ phận phân tích và bộ phận kiểm soát và tuân thủ; - Thảo luận kế hoạch kinh doanh quý IV/2012.
---	------------	--

Ngoài ra, HĐQT cũng đã ban hành 01 Quyết định nhằm thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ lên 75,54 tỷ để trình ĐHCĐ quyết định.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành.

Ngoại trừ ông Hoàng Quốc Hùng nắm chức vụ Tổng Giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị khác đều không trực tiếp điều hành công việc tại Công ty. Trong đó, có hai thành viên độc lập là ông Lâm Bảo Quang và ông Tunku Ali Redhaudin ibni Tuanku Muhriz. Là những người có nhiều kinh nghiệm trong thị trường vốn, các thành viên độc lập, không điều hành đã đóng góp rất nhiều cho việc hoạch định chính sách, phương hướng hoạt động của Công ty.

Tuy không trực tiếp tham gia điều hành, nhưng với việc duy trì chế độ họp thường kỳ hàng quý cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và các hình thức khác, các thành viên Hội đồng quản trị đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác chỉ đạo kịp thời đối với Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban.

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Các thành viên HĐQT/BKS/TGD của công ty không thuộc trường hợp bắt buộc phải hoàn thành khóa đào tạo về quản trị công ty vì yêu cầu này chỉ áp dụng đối với công ty đại chúng. Tuy nhiên, toàn bộ các thành viên Hội đồng quản trị có trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh do nước ngoài đào tạo. 1/5 số Thành viên Hội đồng Quản trị đã có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Hiện nay Ban kiểm soát có 01 thành viên là bà Ngô Quỳnh Như và không sở hữu bất kỳ cổ phần nào của Công ty.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ đối với hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc, xem xét, rà soát các quy trình, quy chế nội bộ của các phòng ban trong Công ty cũng như các báo cáo tài chính quý và năm của Công ty. Ban kiểm soát cũng thực hiện chức năng giám sát của mình thông qua việc thường xuyên tham gia các cuộc họp của Hội

đồng quản trị và có những kiến nghị nhằm đảm bảo Công ty được tổ chức và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm công ty không chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc. Tiền lương và thưởng cho Tổng Giám đốc phát sinh trong năm là 1.427.725.000 đồng.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đoàn Mạnh Khâm	Chủ tịch HĐQT	48.000	0,80%	1.448.000	19,17%	Mua thêm 1.400.000 cổ phần trong đợt chào bán riêng lẻ cổ phần vào tháng 9/2012
2	Citigroup Financial Products, Inc.	Người đại diện phần vốn (Ông Jeffrey E.Carleton) là thành viên HĐQT của công ty	594.000	9,90%	747.846	9,90%	Mua thêm 153.846 cổ phần trong đợt chào bán riêng lẻ cổ phần vào tháng 9/2012

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật hiện hành.

3005
NG T
PHÃ
NG KHO
M NH
HỒ C

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:

a. Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tài chính TPHCM (AISC)

b. Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty CP Chứng khoán Tâm Nhìn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không nhằm phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính khoản lỗ thuần trong năm 2012 của Công ty là 8.141.649.647 đồng, và khoản lỗ lũy kế đến 31/12/2012 là 53.940.491.460 đồng, chiếm 71,4% vốn điều lệ. Do đó, hoạt động của Công ty phụ thuộc nhiều vào việc hỗ trợ vốn của các cổ đông. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc đã có các đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và các kế hoạch phát triển kinh doanh tại thuyết minh báo cáo tài chính, mục VIII.2.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Theo Phụ lục đính kèm.

Tp. HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



HOANG QUỐC HÙNG



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Auditing & Informatic Services Company Limited

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
TÂM NHÌN**

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
TÀM NHÌN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

MỤC LỤC

	Trang
Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc	01 - 02
Báo Cáo Kiểm Toán	03
Bảng Cân Đối Kế Toán	04 - 10
Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	11
Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	12 - 13
Báo Cáo Tình Hình Biến Động Vốn Chủ Sở Hữu	14
Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	15 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Thông tin chung về công ty:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tâm Nhìn được thành lập theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 4103005774 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 42/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp, số vốn điều lệ của công ty là: 12.000.000.000 VNĐ.

Theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán thay đổi lần 2 số 139/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, vốn điều lệ công ty là 20.000.000.000 VNĐ.

Theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán thay đổi lần 3 số 190/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 02 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 25.000.000.000 VNĐ.

Theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán thay đổi lần 4 số 253/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 08 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 35.000.000.000 VNĐ.

Theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán thay đổi lần 5 số 282/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 45.000.000.000 VNĐ.

Theo giấy phép điều chỉnh số 44/GPĐC-UBCK (thay đổi lần thứ 7) do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 07 năm 2011, vốn điều lệ công ty là 60.000.000.000 VNĐ.

Theo giấy phép điều chỉnh số 118/GPĐC-UBCK (thay đổi lần thứ 8) do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 10 năm 2012, vốn điều lệ công ty là 75.538.460.000 VNĐ.

Hoạt động chính của Công ty:

- Môi giới chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

Trụ sở chính: Lầu 9, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn & 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Mạnh Khâm	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Quốc Hùng	Thành viên
Ông Lâm Bảo Quang	Thành viên
Ông Jeffrey E.Carleton	Thành viên
Ông Tunku Ali Redhauddin Ibni Tuanku Muhriz	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Quỳnh Như	Thành viên
------------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Hoàng Quốc Hùng
Bà Nguyễn Thị Hoài Ân

Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty CP Chứng Khoán Tâm Nhìn.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp.HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Hoàng Quốc Hùng
Tổng Giám đốc



ố: 0712461/AISC-DN1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN**

Kính gửi : Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Chứng khoán Tâm Nhìn

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 31 tháng 01 năm 2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN từ trang 04 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát báo cáo này. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không nhằm phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính khoản lỗ thuần trong năm 2012 của Công ty là 8.141.649.647 đồng, và khoản lỗ lũy kế đến 31/12/2012 là 53.940.491.460 đồng, chiếm 71,4% vốn điều lệ. Do đó, hoạt động của Công ty phụ thuộc nhiều vào việc hỗ trợ vốn của các cổ đông. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc đã có các đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và các kế hoạch phát triển kinh doanh tại thuyết minh báo cáo tài chính, mục VIII.2.

KIỂM TOÁN VIÊN

Đậu Nguyễn Lý Hằng

Số chứng chỉ KTV: 1169/KTV
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

TP. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2013
KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Hồng Uyên

Số chứng chỉ KTV: 0794/KTV
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		20.982.837.464	11.986.551.759
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.428.155.508	10.249.522.433
1. Tiền	111		12.428.155.508	10.249.522.433
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.7	2.994.954.326	41.679.494
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		41.679.494	41.679.494
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		29.523.266	-
5. Các khoản phải thu khác	138		2.923.751.566	-
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.559.727.630	1.695.349.832
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4.1	2.248.727.630	1.402.446.602
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.4.2	-	134.297.432
4. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4.3	3.311.000.000	158.605.798
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		2.118.459.490	2.998.371.414
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
II. Tài sản cố định	220		714.674.625	1.241.668.940
1. TSCĐ hữu hình	221	V.3.1	579.025.081	921.192.937
- Nguyên giá	222		2.269.985.382	2.341.905.772
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.690.960.301)	(1.420.712.835)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.3.2	135.649.544	320.476.003
- Nguyên giá	228		967.502.000	967.502.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(831.852.456)	(647.025.997)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.403.784.865	1.756.702.474
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	678.280.694	1.056.821.474
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.6	262.004.171	236.381.000
4. Tài sản dài hạn khác	268		463.500.000	463.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		23.101.296.954	14.984.923.173

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.503.328.414	783.764.986
I. Nợ ngắn hạn	310		1.503.328.414	687.317.236
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		993.860.260	55.492.530
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.8	496.167.029	480.750.695
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	10.978.325	144.115.502
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.9	-	85.389
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		2.322.800	6.873.120
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
13. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	96.447.750
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	96.447.750
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		21.597.968.540	14.201.158.187
I. Vốn Chủ Sở Hữu	410	V.11	21.597.968.540	14.201.158.187
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		75.538.460.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(53.940.491.460)	(45.798.841.813)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23.101.296.954	14.984.923.173

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	396.430.000	638.960.000
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	396.430.000	638.960.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	-	-
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	396.430.000	638.960.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	-	-
6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011	-	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	-	-
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của KH trong nước	014	-	-
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của KH nước ngoài	015	-	-
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	-	-
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	-	-
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023	-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024	-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025	-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026	-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	-	-
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	-	-
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	-	-
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2012	01/01/2012
<i>6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút</i>	032	-	-
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033	-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035	-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	036	-	-
<i>6.7. Chứng khoán chờ giao dịch</i>	037	-	-
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	-	-
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	-
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041	-	-
<i>6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay</i>	042	-	-
6.8.1 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043	-	-
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	-	-
6.8.3 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045	-	-
6.8.4 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	046	-	-
<i>6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</i>	047	-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	-	-
Trong đó:			
<i>7.1. Chứng khoán giao dịch</i>	051	-	-
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	-	-
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	-	-
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	-	-
7.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055	-	-
<i>7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	056	-	-
7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057	-	-
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của KH trong nước	058	-	-
7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của KH nước ngoài	059	-	-
7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060	-	-
<i>7.3. Chứng khoán cầm cố</i>	061	-	-
7.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062	-	-
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063	-	-
7.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064	-	-
7.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2012	01/01/2012
7.4. Chứng khoán tạm giữ	066	-	-
7.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067	-	-
7.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068	-	-
7.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069	-	-
7.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070	-	-
7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	071	-	-
7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072	-	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	-	-
7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074	-	-
7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	075	-	-
7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076	-	-
7.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077	-	-
7.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078	-	-
7.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079	-	-
7.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	080	-	-
7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	-	-

Tp.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ HOÀI ÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC

HOÀNG QUỐC HÙNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1 Doanh thu	01	VI.1	4.225.824.639	2.542.552.339
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới Chứng khoán	01.1		3.652.612.184	2.126.830.305
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành Chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành Chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	-
- Doanh thu lưu ký Chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		573.212.455	415.722.034
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		4.225.824.639	2.542.552.339
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	3.361.169.079	2.947.047.920
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		864.655.560	(404.495.581)
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.091.552.136	9.208.116.517
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		(8.226.896.576)	(9.612.612.098)
8 Thu nhập khác	31		100.724.645	67.246.075
9 Chi phí khác	32		15.477.716	91.035.757
10 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		85.246.929	(23.789.682)
11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(8.141.649.647)	(9.636.401.780)
12 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(8.141.649.647)	(9.636.401.780)
15 Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.272)	(1.836)

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HOÀI ÂN

Tp.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2013

BỘ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN
 QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

HOÀNG QUỐC HÙNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</i>			
Tiền thu được từ hoạt động kinh doanh	01	3.623.088.918	2.195.145.714
Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(1.854.708.800)	(1.499.941.741)
Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05	-	-
Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	3.506.285.076	11.095.138.683
Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(3.510.803.876)	(11.114.867.609)
Tiền thu bán chứng khoán khách hàng	08	-	-
Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	-	-
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(3.146.730.960)	(4.989.749.626)
Tiền chi trả cho người lao động	11	(4.074.318.895)	(4.528.170.299)
Tiền chi trả lãi vay	12	-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	-	-
Tiền thu khác	14	7.131.633.036	9.702.330.445
Tiền chi khác	15	(15.581.860.708)	(11.749.512.937)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.907.416.209)	(10.889.627.370)
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	-	(95.222.727)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	10.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	547.589.284	400.174.254
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	547.589.284	314.951.527
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</i>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	15.538.460.000	15.000.000.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15.538.460.000	15.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	2.178.633.075	4.425.324.157
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.249.522.433	5.824.198.276
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	<u>12.428.155.508</u>	<u>10.249.522.433</u>

Tp.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ HOÀI ÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG QUỐC HÙNG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		45.000.000.000	60.000.000.000	15.000.000.000	-	15.538.460.000	-	60.000.000.000	75.538.460.000
2. Thặng dư vốn cổ phần									
3. Vốn khác của chủ sở hữu									
4. Cổ phiếu quỹ									
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản									
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
7. Quỹ đầu tư phát triển									
8. Quỹ dự phòng tài chính									
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu									
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(36.162.440.033)	(45.798.841.813)	-	9.636.401.780	-	8.141.649.647	(45.798.841.813)	(53.940.491.460)
Cộng		8.837.559.967	14.201.158.187	15.000.000.000	9.636.401.780	15.538.460.000	8.141.649.647	14.201.158.187	21.597.968.540

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HOÀI ÂN

TP.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG QUỐC HÙNG

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

3. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2012: 18 người. (Ngày 31 tháng 12 năm 2011: 22 người)

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật Ký Chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các chính sách kế toán mới:

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp ("Thông tư 179") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012, áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp ("Thông tư 180") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012. Thông tư này thay thế Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty thực hiện quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp cho năm hiện hành theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10"), và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước. Đồng thời trong năm Công ty cũng áp dụng Thông tư 180 thay thế cho thông tư 82 về trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ trợ cấp mất việc làm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng nguyên giá tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng, sử dụng như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

4.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Máy móc, thiết bị

03 - 08 năm

Phần mềm máy vi tính

05 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 24 tháng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: phí giao dịch, lưu ký chứng khoán; chi phí kiểm toán; tiền lương, ...

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả: Là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và được thông qua Đại hội đồng cổ đông.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Cổ tức là doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Chi phí Thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc tài bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét và kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

11. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Nguyên tắc ghi nhận thông tin về các bên liên quan:

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban tổng giám đốc, hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2012	01/01/2012
Tiền mặt	26.698.707	30.056.311
Tiền gửi ngân hàng	894.342.535	1.208.050.973
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN NKKN</i>	<i>744.734.793</i>	<i>950.813.960</i>
<i>Ngân hàng An Bình - PGD Nguyễn Công Trí</i>	<i>7.204.187</i>	<i>13.232.301</i>
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC</i>	<i>142.403.555</i>	<i>244.004.712</i>
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	7.114.266	11.415.149
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN NKKN</i>	<i>4.439.521</i>	<i>4.285.067</i>
<i>Ngân hàng An Bình - PGD Nguyễn Công Trí</i>	<i>2.674.745</i>	<i>7.130.082</i>
Các khoản tương đương tiền	11.500.000.000	9.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	<i>11.500.000.000</i>	<i>9.000.000.000</i>
Tổng Cộng	12.428.155.508	10.249.522.433

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm
a). Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	-	-
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
b). Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	79.521.609	3.256.127.213.570
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (Chứng chỉ quỹ)	9.620	84.656.000
Tổng cộng	79.531.229	3.256.211.869.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Tài sản cố định**3.1 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	2.341.905.772	-	2.341.905.772
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	71.920.390	-	71.920.390
Số dư cuối năm	-	2.269.985.382	-	2.269.985.382
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	1.420.712.835	-	1.420.712.835
- Khấu hao trong kỳ	-	326.690.140	-	326.690.140
- Thanh lý, nhượng bán	-	56.442.674	-	56.442.674
Số dư cuối năm	-	1.690.960.301	-	1.690.960.301
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	921.192.937	-	921.192.937
Số dư cuối năm	-	579.025.081	-	579.025.081

* Giá trị nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VNĐ.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 726.967.298 VNĐ.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 VNĐ.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không.

3.2 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	-	-	967.502.000	967.502.000
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	967.502.000	967.502.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	-	647.025.997	647.025.997
- Khấu hao trong kỳ	-	-	184.826.459	184.826.459
Số dư cuối kỳ	-	-	831.852.456	831.852.456
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	-	-	320.476.003	320.476.003
Số dư cuối kỳ	-	-	135.649.544	135.649.544

4. Tài sản ngắn hạn khác**4.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí chờ phân bổ văn phòng Vincom

31/12/2012

01/01/2012

-

1.173.751.566

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi phí tư vấn đào tạo nhân sự		2.000.000.000	-	
Chi phí chờ phân bổ khác		248.727.630	228.695.036	
Cộng		2.248.727.630	1.402.446.602	
4.2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		31/12/2012	01/01/2012	
Thuế thu nhập cá nhân		-	134.297.432	
Cộng		-	134.297.432	
4.3 Tài sản ngắn hạn khác		31/12/2012	01/01/2012	
Tạm ứng		3.305.000.000	152.605.798	
Ký quỹ, ký cược		6.000.000	6.000.000	
Cộng		3.311.000.000	158.605.798	
5. Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2012	01/01/2012	
Chi phí lắp đặt hệ thống cáp mạng		34.378.290	155.358.114	
Chi phí lắp đặt thiết kế văn phòng		643.902.404	901.463.360	
Cộng		678.280.694	1.056.821.474	
6. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		31/12/2012	01/01/2012	
Tiền nộp ban đầu		236.381.000	220.833.220	
Tiền nộp bổ sung		-	-	
Tiền lãi phân bổ trong năm		25.623.171	15.547.780	
Cộng		262.004.171	236.381.000	
7. Các khoản phải thu				
	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
		Tăng	Giảm	
1. Phải thu khách hàng	-	91.752.907	91.752.907	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	3.519.433.241	3.489.909.975	29.523.266
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch Chứng khoán	-	3.519.433.241	3.489.909.975	29.523.266
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) Chứng khoán	-	-	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký Chứng khoán	-	-	-	-
- Phải thu thành viên khác	-	-	-	-
3. Trả trước người bán	41.679.494	-	-	41.679.494
4. Thuế GTGT được khấu trừ	-	269.300.217	269.300.217	-
5. Phải thu nội bộ	-	-	-	-
6. Phải thu khác	-	4.568.376.775	1.644.625.209	2.923.751.566
Tổng cộng	41.679.494	8.448.863.140	5.495.588.308	2.994.954.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi phí phải trả	31/12/2012	01/01/2012
Phí giao dịch, lưu ký phải trả TTGD và TTLK	97.529.529	73.100.331
Phải trả phí kiểm toán	45.000.000	61.636.364
Ước lương tháng 13 cho nhân viên	326.637.500	335.199.000
Phải trả phí gửi xe	-	10.815.000
Tiền điện Quý 4 năm 2012	27.000.000	-
Cộng	496.167.029	480.750.695
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	31/12/2012	01/01/2012
Phải trả sở GDCK	-	-
Phải trả Quỹ hỗ trợ thanh toán của các thành viên khác	-	-
Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành	-	-
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	-
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	-	85.389
Cộng	-	85.389
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Bảo hiểm xã hội	10.286.994	21.810.047
Phải trả, phải nộp khác	691.331	122.305.455
<i>Thuế TNDN của tổ chức nước ngoài</i>	-	122.268.738
<i>Thuế TNCK của khách hàng trong nước</i>	-	36.717
<i>Đối tượng khác</i>	691.331	-
Cộng	10.978.325	144.115.502
11. Vốn chủ sở hữu		
a). Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
	31/12/2012	
	Tỷ lệ	Vốn góp
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tâm Nhìn	70,77%	53.460.000.000
Citigroup Financial Products Inc.	9,90%	7.478.460.000
Ông Hoàng Quốc Hùng	0,16%	120.000.000
Ông Đoàn Mạnh Khâm	19,17%	14.480.000.000
Tổng cộng	100%	75.538.460.000
b). Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận	Năm 2012	Năm 2011
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu kỳ</i>	60.000.000.000	45.000.000.000
<i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	15.538.460.000	15.000.000.000
<i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>	75.538.460.000	60.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c). Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	7.553.846	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.553.846	6.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.553.846	6.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.553.846	6.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.553.846	6.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000VND		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu		
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.652.612.184	2.126.830.305
Doanh thu khác	573.212.455	415.722.034
Tổng Cộng	4.225.824.639	2.542.552.339
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	4.225.824.639	2.542.552.339
2. Chi phí hoạt động kinh doanh		
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	982.305.354	351.005.965
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	430.726	11.631.516
Chi phí khác	2.378.432.999	2.584.410.439
Tổng Cộng	3.361.169.079	2.947.047.920
3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.141.649.647)	(9.636.401.780)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(8.141.649.647)	(9.636.401.780)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.400.169	5.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.272)	(1.836)
4. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính		
Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản		
Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:		
4.1 Rủi ro thị trường		
Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.		
<i>Rủi ro lãi suất</i>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty không có rủi ro liên quan đến ngoại tệ do các giao dịch đều bằng đồng Việt Nam.

4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản tiền gửi ngân hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

31 tháng 12 năm 2012	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	-	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	142.529.529	-	-	142.529.529
	142.529.529	-	-	142.529.529
31 tháng 12 năm 2011				
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	-	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	134.736.695	-	-	134.736.695
	134.736.695	-	-	134.736.695

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Xem thuyết minh tại trang 26.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Thông tin về các giao dịch không bằng tiền phát sinh trong năm báo cáo: Không có
2. Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: 7.114.266 VNĐ.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm Phải thu/(Phải trả)
Ban Tổng Giám đốc	Bên liên quan	Tiền lương và thưởng	1.427.725.000	(109.825.000)

2. Thông tin về hoạt động liên tục: công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai

	Năm 2012	Năm 2011
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(13.907.416.209)	(10.889.627.370)

Khoản lỗ thuần của đơn vị cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 8.141.649.647 đồng; khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2012 là 53.940.491.460 đồng, chiếm 71,4% vốn điều lệ. Điều này ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Công ty trong điều kiện kinh doanh bình thường. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã có Bảng đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và có các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của Công ty như sau:

- 1) Công ty đảm bảo phát triển thêm nguồn khách hàng mới trong năm 2013.
- 2) Công ty không có bất kỳ vụ kiện tụng nào trong và ngoài nước mà có thể dẫn đến các khoản phải thanh toán trong thời gian tới.
- 3) Công ty thực hiện quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư theo đúng quy định của UBCKNN từ ngày 08/09/2008 do đó sẽ không có phát sinh bất kỳ khoản phải trả, phải thu nào đối với các nhà đầu tư chứng khoán mở tài khoản giao dịch tại công ty.

KẾ TOÁN TRƯỞNG


 NGUYỄN THỊ HOÀI ÂN

Tp.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC


 HOÀNG QUỐC HÙNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2012		01/01/2012		31/12/2012	01/01/2012
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	-	-	-	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	12.428.155.508	-	10.249.522.433	-	12.428.155.508	10.249.522.433
TỔNG CỘNG	12.428.155.508	-	10.249.522.433	-	12.428.155.508	10.249.522.433
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	-	-	-	-	-	-
- Phải trả người bán	-	-	-	-	-	-
- Phải trả khác	-	-	-	-	-	-
- Nợ phải trả tài chính khác	142.529.529	-	134.736.695	-	142.529.529	134.736.695
TỔNG CỘNG	142.529.529	-	134.736.695	-	142.529.529	134.736.695

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khác, nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.